

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số: 232/2004/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ

V/v giao chỉ tiêu thu thủy lợi phí hàng năm thành phố Cần Thơ

thực hiện từ năm 2004 đến năm 2005

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 31/8/1994;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điểm của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 142/TTr.SNN ngày 11/3/2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giao chỉ tiêu thu thủy lợi phí hàng năm cho quận, huyện và các Nông trường quốc doanh thuộc thành phố. Chỉ tiêu này được áp dụng thực hiện từ năm 2004 đến năm 2005 (kèm theo danh mục).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế soạn thảo văn bản hướng dẫn liên ngành về việc thực hiện công tác thu thủy lợi phí.

Giao Chủ tịch UBND quận, huyện, Giám đốc Nông trường quốc doanh, Trạm thủy lợi quận, huyện tổ chức thực hiện việc thu thủy lợi phí theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Chủ tịch UBND quận, huyện, Giám đốc các Nông trường quốc doanh, Chi cục trưởng Chi cục thủy lợi, Trưởng Trạm thủy lợi các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CHỦ TỊCH

Võ Thanh Tòng

**CHỈ TIÊU THU THỦY LỢI PHÍ HÀNG NĂM
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ (2004 – 2005)**

(kèm theo Quyết định số: 232 /2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 3 năm 2004 của UBND thành phố Cần Thơ)

Số TT	Đơn vị	Tổng diện tích	Trong đó		Số lúa (tấn)
			Lúa (ha)	Vườn (ha)	
	Toàn thành phố	98.260	85.660	12.600	2.947,8
1	Huyện Thốt Nốt	4.300	4.300		129
2	Huyện Vĩnh Thạnh	30.000	30.000		900
3	Huyện Cờ Đỏ	25.400	25.400		762
4	Huyện Phong Điền	10.000	6.000	4.000	300
5	Quận Ô Môn	9.100	6.600	2.500	273
6	Quận Bình Thủy	4.100	2.100	2.000	123
7	Quận Cái Răng	4.100	2.000	2.100	123
8	Quận Ninh Kiều	260	260		7,8
9	NT Sông Hậu	5.600	5.600		168
10	NT Cờ Đỏ	5.400	5.400		162

Ghi chú: Định mức BQ = 30 kg lúa/ha/năm

- Giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp theo giá lúa do UBND thành phố quy định hàng năm.